

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2012

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Sông Đà 4 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sông Đà 4 thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 26/10/2007 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900189325 ngày 15/11/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu, đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 20/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Cổ phiếu phổ thông của Công ty hiện đang niêm yết tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phần số 58/QĐ-TTGDHN ngày 13/05/2008 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SD4. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu từ ngày 25/06/2008.

Vốn điều lệ Công ty: 103.000.000.000 đồng

2. Quá trình phát triển:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy điện; Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng; Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Đầu tư xây dựng khu công nghiệp và đô thị; Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm; Sản xuất và kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Sản xuất chế biến các sản phẩm từ mủ cao su (không hoạt động kinh doanh tại tỉnh Gia Lai); Mua bán sản xuất mủ cao su các loại và sản phẩm chế biến từ mủ cao su (không hoạt động kinh doanh tại tỉnh Gia Lai); Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

2.2. Tình hình hoạt động của Công ty:

Năm 2012, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông đề ra như sau:

1) Tổng giá trị SXKD năm 2012	: TH 419 tỷ/KH 460,32 tỷ đạt 91%
2) Tổng doanh thu	: TH 367 tỷ/KH 375 tỷ đạt 98%
3) Lợi nhuận trước thuế	: TH 5,24 tỷ/KH 21,29 tỷ đạt 25%
4) Lợi nhuận sau thuế	: TH 5,24 tỷ/KH 15,97 tỷ đạt 33%
5) Tỷ suất lợi nhuận	
- Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	: TH 1,43%/KH 5,69% đạt 25%

- Tỷ suất LN sau thuế/VCSH bq	: TH 4,34%/KH 11,92% đạt 36%
- Tỷ suất LN sau thuế /Tổng TS	: TH 0,9%/KH 2,9% đạt 32%
6) Thu nhập bình quân CB CNV	: TH 5,0 triệu /KH 5,5 triệu đạt 91%
7) Nộp ngân sách	: TH 20,98 tỷ/KH 18,38 tỷ đạt 114%
8) Đầu tư	: TH 37,05 tỷ/58,48 tỷ đạt 63%
- Đầu tư TB thi công	: TH 37,05 tỷ/KH 39,93 tỷ đạt 92,8%
- Đầu tư trụ sở	: TH 0 tỷ/KH 17,43 tỷ đồng đạt 0%
- Xe ô tô phục vụ điều hành SX	: TH 0 tỷ/KH 1,12 tỷ đồng đạt 0%
9) Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	: Tạm thời để lại chưa phân phối

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2012:

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2012 tham gia thi công các dự án như: Thủy điện Huội Quảng thuộc tỉnh Sơn La; thủy điện Nậm Na 2, Nậm Na 3 thuộc tỉnh Lai Châu; Thủy điện Hà Tây, Ayun Thượng 1A tại tỉnh Gia Lai; Thủy điện Xêkaman 1 tại nước CHDCND Lào; Mở rộng khu sản xuất Công ty TNHH IMI Việt Nam; Khu đô thị sinh thái Vincom Village; Kinh doanh vật liệu xây dựng và sản phẩm công nghiệp; Sản xuất bê tông thương phẩm bao gồm cả bê tông RCC phục vụ thi công dự án thủy điện Xêkaman 1; Tiếp tục quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Iagrai3 đảm bảo kế hoạch đề ra.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 4 trở thành một doanh nghiệp phát triển toàn diện, bền vững, có tiềm lực tài chính mạnh, có đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân chuyên nghiệp với trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Tiếp tục lấy ngành nghề truyền thống thi công bê tông các công trình thủy điện, thủy lợi làm hướng chủ đạo, mở rộng lĩnh vực xây dựng các nhà máy nhiệt điện, dân dụng, hạ tầng giao thông. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư mở rộng sản xuất để tăng dần tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong giá trị SXKD của công ty, chuẩn bị lực lượng tham gia thi công các dự án điện hạt nhân.

- Địa bàn hoạt động:

+ Xây dựng các công trình thủy điện tại khu vực Tây Nguyên và miền Trung, các tỉnh phía Bắc

+ Xây dựng các công trình thủy điện tại CHDCND Lào: thủy điện Xêkaman 1, Sê Kông 3, Luang pra bang...

+ Xây dựng các công trình thủy điện khu vực Tây Bắc: thủy điện Nậm Na 2, Nậm Na 3, thủy điện Huội Quảng, thủy điện Lai Châu.

+ Xây dựng các công nghiệp và dân dụng, công trình nhà cao tầng tại TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2012 và tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012(10 ³ đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với KH
1	Giá trị SXKD	419.000.000	91%
2	Doanh thu	367.001.131	98%
3	Lợi nhuận	5.236.650	33%
4	Nộp ngân sách	20.986.885	114%
5	Thu nhập bình quân	5.000	91%

2. Những thay đổi chủ yếu: Không có

3. Kế hoạch SXKD năm 2013: Dự kiến năm 2013 Công ty sẽ có các hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

- Thi công bê tông tại thủy điện Huội Quảng; Lai Châu, Nậm Na 2, Nậm Na 3 và thủy điện Xêkaman 1 tại nước CHDCND Lào.
- Sản xuất bê tông thương phẩm bao gồm cả bê tông RCC phục vụ thi công thủy điện Xêkaman 1, Huội Quảng, Nậm Na 2, Nậm Na 3.
- Quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Iagrai3.

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2012:

- Khả năng sinh lời:
 - + Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu : 4,34 %
 - + Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản : 0,93 %
- Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/nợ ngắn hạn) : 0,05 lần
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012 : 564.532.936.259, đồng
- Cơ cấu vốn cổ đông:
 - + Cổ đông Nhà nước : 6.400.000 CP chiếm 62,14%
 - + Cổ đông khác : 3.900.000 CP chiếm 37,86%
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ đông sáng lập : 6.400.000 CP chiếm 62,14%
 - + Cổ đông khác : 3.900.000 CP chiếm 37,86%
- Cổ tức : Tạm thời để lại chưa chia

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

- Tổng giá trị SXKD : 420,71 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch năm
- Doanh thu : 367,00 tỷ đồng đạt 98% kế hoạch năm
- Lợi nhuận : 5,24 tỷ đồng đạt 33% kế hoạch năm

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Mặc dù năm 2012, kinh tế đất nước nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, các công trình trọng điểm Công ty tham gia phải dừng, giãn tiến độ (công trình thủy điện Xêkaman1, công trình thủy điện Huội Quảng) nhưng với sự cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty, sự đồng lòng nhất trí của tập thể CBCNV, Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm thêm việc làm bổ sung giá trị sản lượng bị thiếu hụt và đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Các kế hoạch sản lượng, doanh thu đều đạt trên 90%; đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập bình quân 5,0 triệu đồng/người/tháng; hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn có lãi; các chế độ cho người lao động mặc dù còn chậm nhưng nhìn chung là tốt so với mặt bằng chung của các đơn vị trong cùng ngành xây dựng.

- Công tác tài chính còn nhiều khó khăn, hiệu quả SXKD chưa cao. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua được thời điểm khó khăn nhất, tích cực tìm kiếm việc làm từng bước ổn định về tài chính.

- Công tác đầu tư năm 2012 thực hiện được 91% kế hoạch, nguyên nhân là do chính sách thắt chặt tiền tệ, một số Chủ đầu tư giãn tiến độ thi công công trình nên Công ty đã chủ động cắt giảm đầu tư, chỉ thực hiện đầu tư những thiết bị cần thiết trong năm 2012.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Để đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013, Ban Tổng giám đốc Công ty sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện một số giải pháp chính sau đây:

*** Giải pháp về tổ chức:**

- Triển khai thực hiện tái cấu trúc Công ty theo đề án được duyệt.

- Bố trí sắp xếp giao nhiệm vụ hợp lý cho các đơn vị trực thuộc thi công các công trình trên nguyên tắc chỉ đạo tập trung, mỗi đơn vị chịu trách nhiệm thi công chính một cụm công trình được phân theo địa bàn hoạt động.

*** Giải pháp về nhân lực, chế độ chính sách:**

- Rà soát, định biên bộ máy gián tiếp từ Công ty đến các Chi nhánh đảm bảo gọn nhẹ, làm việc hiệu quả, phát huy tối đa năng lực cán bộ.

- Cân đối nhân lực, tuyển dụng bổ sung cho các Chi nhánh đảm bảo tiến độ thi công các công trường: Huội Quảng, Lai Châu, Nậm Na 2, Nậm Na 3, Xêkaman1.

- Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đã có kinh nghiệm và tay nghề cao kèm cặp hướng dẫn, nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên mới tuyển dụng.

*** Giải pháp kinh tế, thu vốn tại các công trình:**

Công trình thủy điện Xêkaman1:

- Đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt bộ đơn giá năm 2011 và 2012, phê duyệt dự toán tháo dỡ vận chuyển lắp đặt trạm trộn RCC, trụ đỡ hệ thống băng tải, phụ trợ

trạm trộn RCC, dự toán phát điện bằng máy phát điện chạy dầu diesel nghiên đá dăm Km40 phục vụ đường vận hành VH1.

Công trình thủy điện Nậm Na 2, Nậm Na 3, Huội Quảng, Lai Châu:

- Kịp thời giải quyết các vướng mắc trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán.
- Tiếp tục thỏa thuận với Chủ đầu tư về một số nội dung còn lại của phụ lục số 02 của hợp đồng thi công thủy điện Nậm Na 2.

Các công trình khác:

- Thanh quyết toán thu hồi vốn các chi phí khác công trình: Sê San 3, Sê San 4, Pleikrong, Hiệp Phước, Kanak.

*** Giải pháp về kế hoạch, đầu tư, tiếp thị đấu thầu:**

- Đối với dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công, khẩn trương thực hiện đầu tư để đáp ứng nhu cầu thiết bị thi công tại công trường.
- Bám sát các Ban của Tổng công ty để đề xuất tham gia thi công phần việc do Tổng công ty đảm nhận tại công trình sàng tuyển than Khe Chàm, lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- Phối hợp cùng Ban đấu thầu của Tổng công ty tham gia tiếp thị đấu thầu dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng, nhiệt điện Na Dương mở rộng, dự án nhiệt điện Hải Phòng 3, nhiệt điện Long Phú, nhiệt điện Quảng Trạch và Bảo tàng lịch sử Quốc gia.
- Theo dõi tổng hợp kế hoạch đấu thầu, tiếp thị các đối tác có thực lực về vốn để mở rộng thị trường, nhằm giải quyết việc làm gói đầu nâng cao thu nhập cho người lao động, tiếp thị nhận giao thầu một số công trình dân dụng công nghiệp tại khu vực Hà Nội.

*** Giải pháp về công tác quản lý kỹ thuật - chất lượng, tiến độ thi công và an toàn lao động:**

- Tập trung công tác quản lý tiến độ, quản lý chi tiết đến các khối đổ; kịp thời đưa ra các giải pháp đáp ứng tiến độ hàng tuần, tháng và quý.
- Duy trì ban chỉ đạo thu vốn và tổ giám sát chất lượng tại các công trường, thực hiện quyết liệt công tác nghiệm thu thanh toán, công tác giám sát và nghiệm thu nội bộ để nâng cao chất lượng sản phẩm. Kiểm tra, đóc đóc, phân công cán bộ thực hiện, giảm thiểu khối lượng dờ dang.
- Nghiên cứu công nghệ thi công mới và biện pháp thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng biển, thủy lợi đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường của Công ty.
- Thiết kế gia công chế tạo cốp pha mới để nâng cao chất lượng bề mặt bê tông đẩy nhanh tiến độ thi công.
- Sắp xếp nâng cao chất lượng đội ngũ an toàn viên đảm bảo hoạt động hiệu quả.

* **Giải pháp về sử dụng quản lý thiết bị:**

- Củng cố nâng cao chất lượng bộ máy làm công tác quản lý cơ giới.
- Cân đối điều động tính toán nhu cầu thiết bị phục vụ công tác đầu tư.
- Lập dự trù các loại vật tư phụ tùng thay thế (đặc biệt là phụ tùng của trạm bê tông RCC tại Xêkaman 1 và trạm trộn bê tông 120m³/h tại Huội Quảng), tránh tình trạng máy móc thiết bị ngừng hoạt động chờ phụ tùng thay thế.
- Duy tu, bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ xe máy, thiết bị thi công đảm bảo hiệu quả hoạt động của xe máy.
- Kiểm tra, bảo dưỡng và mua dự phòng các loại vật tư, phụ tùng đảm bảo vận hành an toàn nhà máy và hệ thống cầu trục đập tràn thủy điện Iagrai3 trong mùa mưa lũ.

* **Giải pháp về công tác tài chính - tín dụng - kế toán:**

- Nâng cao năng lực tài chính, tăng vòng quay vốn lưu động, giảm dư nợ vay vốn tín dụng, không để xảy ra nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.
- Thực hiện triệt để công tác hạch toán kinh doanh từ Công ty đến các Chi nhánh trực thuộc, kiểm soát chặt chẽ chi phí tại các chi nhánh.
- Hàng quý kết hợp với các phòng chức năng tổ chức công tác kiểm tra kinh tế tài chính định kỳ, phân tích hoạt động kinh tế của các Chi nhánh, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân, khấu hao tài sản cố định, dư nợ vốn lưu động./.

IV. Báo cáo tài chính: (đã được kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012				
TÀI SẢN		MÃ SỐ	31/12/2012	31/12/2011
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	311.353.469.094	401.491.237.497
	(100=110+120+130+140+150)			
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	14.148.264.790	66.305.270.994
1.	Tiền	111	14.148.264.790	66.305.270.994
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	104.937.187.568	200.531.029.610
1.	Phải thu khách hàng	131	92.363.530.048	166.598.299.566
2.	Trả trước cho người bán	132	5.246.215.861	23.083.477.602
3.	Phải thu theo tiến độ KH HỖXĐ	135	-	-
4.	Các khoản phải thu khác	135	7.759.301.659	10.849.252.442
IV.	Hàng tồn kho	140	190.179.932.479	132.182.059.026
1.	Hàng tồn kho	141	190.179.932.479	132.182.059.026
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	2.088.084.257	2.472.877.867
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	51.578.552	53.914.565

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.036.505.705	2.418.963.302
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	253.179.467.165	219.463.573.503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	230.998.159.982	204.086.544.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	185.434.106.425	203.560.691.078
- Nguyên giá	222	403.987.150.933	407.704.816.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(218.553.044.508)	(204.144.125.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	45.564.053.557	525.852.998
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10.445.280.000	10.323.280.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10.445.280.000	10.323.280.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	11.736.027.183	5.053.749.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.663.427.183	5.030.549.427
2. Tài sản dài hạn khác	268	72.600.000	23.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	564.532.936.259	620.954.811.000
NGUỒN VỐN		MÃ SỐ	
		31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	443.928.857.285	504.826.885.805
I. Nợ ngắn hạn	310	341.703.686.825	360.443.695.797
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	172.881.722.563	140.517.942.474
2. Phải trả người bán	312	77.785.826.092	76.140.526.787
3. Người mua trả tiền trước	313	32.384.435.537	66.426.169.415
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17.278.575.685	21.991.840.503
5. Phải trả người lao động	315	13.795.690.634	9.397.998.420
6. Chi phí phải trả	316	5.206.780.123	5.879.840.313
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20.970.814.894	39.331.257.060
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.399.841.297	758.120.825
II. Nợ dài hạn	330	102.225.170.460	144.383.190.008
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
3. Vay và nợ dài hạn	334	102.225.170.460	144.263.605.857
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	119.584.151
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	120.604.078.974	116.127.925.195
I. Vốn chủ sở hữu	410	120.604.078.974	116.127.925.195

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	103.000.000.000	103.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	1.312.526.753	1.312.526.753
3. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.858.551.348	2.006.059.301
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	1.653.306.492	892.810.020
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.779.694.381	8.916.529.121
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	564.532.936.259	620.954.811.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	NĂM 2012	NĂM 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	366.957.700.012	308.081.875.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.048.502.841	905.824.296
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	365.909.197.171	307.176.050.796
4. Giá vốn hàng bán	11	295.399.261.193	219.623.264.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	70.509.935.978	87.552.786.281
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	130.682.263	1.952.565.807
7. Chi phí tài chính	22	35.880.325.463	52.067.830.402
Trong đó: Lãi vay phải trả	23	35.601.903.439	52.067.830.402
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30.398.613.449	26.319.588.083
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	4.361.679.329	11.117.933.603
10. Thu nhập khác	31	961.251.847	232.234.773
11. Chi phí khác	32	86.280.925	376.974.266
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	874.970.922	(144.739.493)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	5.236.650.251	10.973.194.110
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	2.056.664.989
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	5.236.650.251	8.916.529.121

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán độc lập

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VI. Các công ty có liên quan

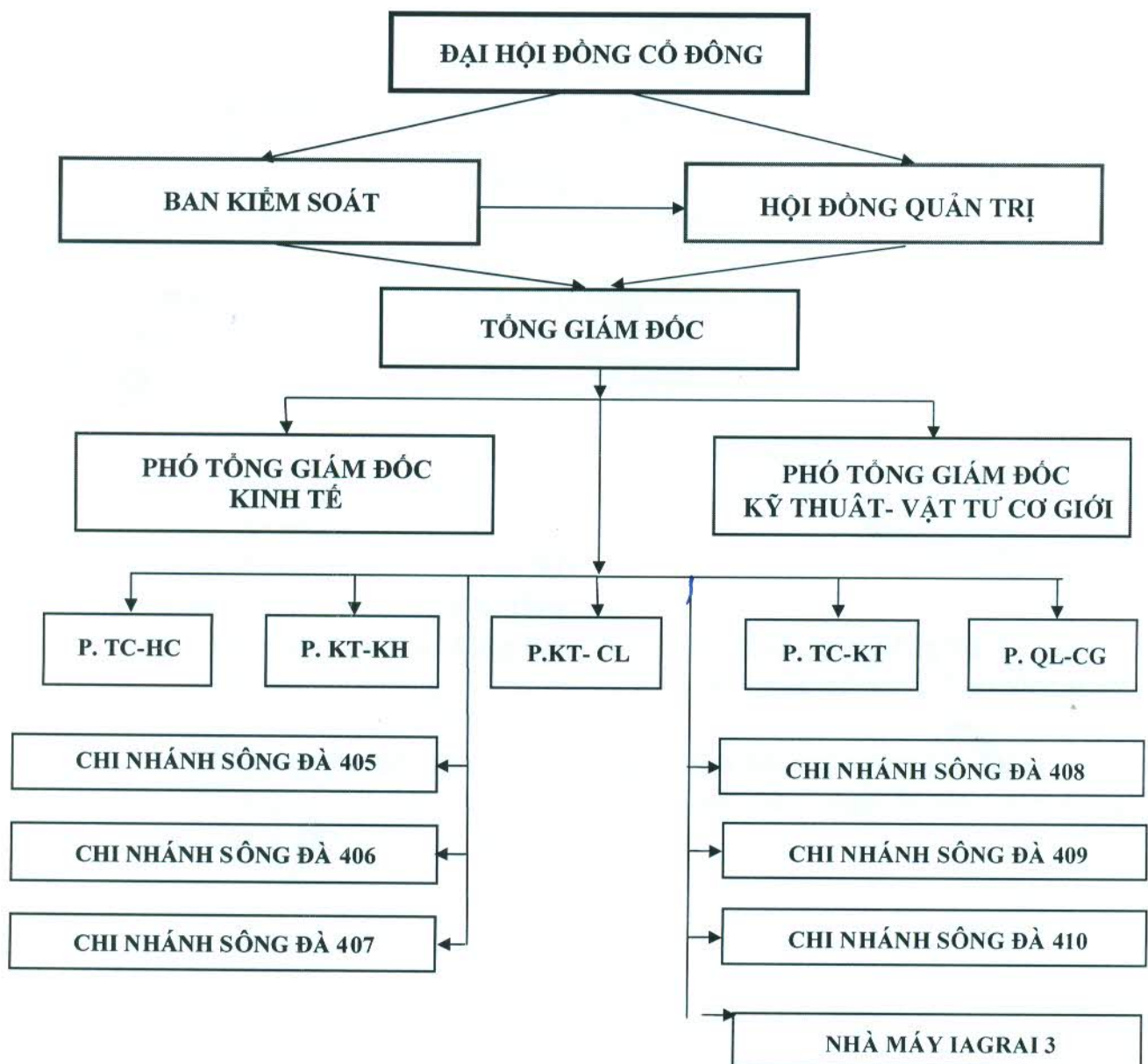
1. **Tổng công ty Sông Đà:** Vốn góp: 64.000.000.000 đồng chiếm 62,14 % vốn điều lệ Công ty.

2. **Công ty CP thủy điện Sông Đà Tây Nguyên:** góp vốn đầu tư thực hiện dự án thủy điện Hà Tây số tiền: 10.445.280.000 đồng

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được mô tả theo sơ đồ:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban tổng giám đốc điều hành:

Tổng Giám đốc : Trần Văn Thông

Ngày sinh : 06/8/1971
Nơi sinh : Hưng Châu - Hưng Nguyên - Nghệ An.
Địa chỉ thường trú : Tổ 16, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP Hà Nội
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công trình thủy điện
Chức vụ hiện tại : TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc : Phạm Văn Trọng

Ngày sinh : 30/10/1966
Quê quán : Thanh Thủy - Thanh Hà - Hải Dương.
Địa chỉ thường trú : Tổ 2, Phường Hoa Lư, TP Pleiku - Gia Lai.
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải ô tô.
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc : Phan Xuân Minh

Ngày sinh : 06/06/1966
Quê quán : Thanh Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : Phường Thống Nhất, TP Pleiku - Gia Lai.
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư XD công trình ngầm.
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc : Nguyễn Tiến Dũng

Ngày sinh : 04/08/1979
Quê quán : Thạch Đài - Thạch Hà - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư XD
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc

3. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 4:

Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác trong năm của Ban tổng giám đốc trong năm 2012 là: 1.353.477.585, đồng.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ công nhân viên trong toàn công ty tính đến tháng 31/12/2012 là 883 người, trong đó:

STT	Chức danh	Số lượng (người)
1	Trên đại học	01
2	Trình độ đại học	88
3	Trình độ cao đẳng	19
4	Trung cấp nghề	41
5	Sơ cấp, cán sự	3
6	Công nhân	731
	Tổng cộng	883

4.1. Chính sách đối với người lao động:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, trong năm 2012:

- Bổ nhiệm ông Phan Xuân Minh - Phó Tổng giám đốc công ty thay ông Nguyễn Hữu Lợi từ ngày 25/08/2012 theo NQ số 25 NQ/HĐQT ngày 25/08/2012.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên, trong đó:
 - + Ông Hồ Sỹ Hùng : Chủ tịch HĐQT(Không chuyên trách)
 - + Ông Trần Văn Thông : Thành viên HĐQT
 - + Ông Nguyễn Hữu Lợi : Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/8/2012)
 - + Ông Phan Xuân Minh : Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/8/2012)
 - + Ông Ngô Minh Tuấn : Thành viên HĐQT
 - + Ông Vương Đắc Hùng : Thành viên HĐQT
- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, trong đó:
 - + Ông Nguyễn Hải Sơn : Trưởng ban Kiểm soát (thành viên độc lập không điều hành).
 - + Ông Vũ Quang Khải : Thành viên Ban Kiểm soát (thành viên độc lập không điều hành)
 - + Ông Vũ Hải Phong : Thành viên Ban Kiểm soát (TP KTKH Công ty).

1.1. Hoạt động của HĐQT:

- Năm 2012, thay mặt cổ đông, HĐQT quản lý Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. HĐQT quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý và nghị quyết; hằng quý

HĐQT hợp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết này.

- HĐQT chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

- HĐQT phối hợp và hỗ trợ Tổng giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch HĐQT với Tổng giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

- Năm 2012, HĐQT tổ chức 4 phiên họp theo định kỳ quý, để nghe Tổng giám đốc và bộ máy điều hành các cấp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tại các phiên họp HĐQT.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT trong hoạt động quản lý, điều hành SXKD theo đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn Tổng công ty Sông Đà.

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Lấy ngăn chặn, phòng ngừa làm mục tiêu chính; đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; góp phần làm cho sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh, đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

- Thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2012 là: 404.880.000, đồng.

- Số thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty là 3/5, của ban kiểm soát là 2/3 và của Ban tổng giám đốc là 2/3.

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Tỷ lệ sở hữu:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2012
1	Hồ Sỹ Hùng	Chủ tịch HĐQT	53.261	53.261
2	Trần Văn Thông	Thành viên HĐQT	23.730	23.730
3	Ngô Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	23.800	23.800
4	Phan Xuân Minh	Thành viên HĐQT		12.300
5	Vương Đắc Hùng	Thành viên HĐQT	14.000	14.000

b. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

- Cổ đông lớn: Không có giao dịch.
- Cổ đông nội bộ và những người có liên quan: Không có giao dịch

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông và số lượng nắm giữ đến 02/04/2013

Stt	Loại cổ đông	SL cổ đông	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ đông trong nước	1.906	10.196.236	98,99%
1	Cá nhân	1.882	3.784.364	36,74%
2	Tổ chức	24	6.411.872	62,25%
	Trong đó cổ đông lớn			
	Tổng công ty Sông Đà		6.400.000	62,14%
II	Cổ đông nước ngoài	16	103.764	1,01%
1	Cá nhân	14	89.798	0,87%
2	Tổ chức	2	13.966	0,14%
	Tổng cộng	1.922	10.300.000	100%

Nơi nhận: *Uy*

- Sở GDCK Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



TỔNG GIÁM ĐỐC

Điền Văn Thông